TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/DS-ST
Ngày: 16 – 10 – 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến

2. Ông Phan Hồng Việt

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2025/QĐXX-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2025/QĐHPT–DS ngày 26 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Lầu F, số B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973; chức vụ: Nhân viên hỗ trợ (Theo giấy ủy quyền ngày 08/8/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1983; trú tại: S E, khu dân cư V, khu phố H, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là S25 Ehome 4, khu dân cư V, khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 29/6/2021 ông H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông H thì ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ Visa Pay Wave Cre Platinum, số thẻ 436438-6511, hạn mức 100.000.000 đồng, ngày cấp thẻ 29/6/2021, lãi suất áp dụng 2,482%. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 396.189.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 346.684.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 18 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 26/5/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 16/10/2025 ông H còn nợ tổng số tiền 223.015.662 đồng, trong đó nợ gốc là 106.917.162 đồng, nợ lãi quá hạn 116.098.500 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 106.917.162 đồng với lãi suất quá hạn là 3,723%/tháng tương đương lãi quá hạn 2.482% x 150% từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Ông H1 có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên ông H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc ông Nguyễn Hữu H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 16/10/2025 là 223.015.662 đồng, trong đó nợ gốc là 106.917.162 đồng, nợ lãi quá hạn 116.098.500 đồng.

- Ông Nguyễn Hữu H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Tóm tắt sao kê (bản pho to); giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (bản pho to); sổ hộ khẩu (bản pho to); căn cước công dân (bản pho to); quyết định (bản pho to); giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (bản pho to); giấy ủy quyền (bản chính).

Bị đơn – ông Nguyễn Hữu H đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và

Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông H không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu H tranh chấp hợp đồng tín dụng. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Hữu H theo đúng quy định tại tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của các đương sự trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Nội dung vụ án:

Ngày 29/6/2021 Ông H có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 100,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ Visa PayWave Credit Platinum, số thẻ 436438-6511, hạn mức 100.000.000 đồng, ngày cấp thẻ 29/6/2021, lãi suất áp dụng 2,482%. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 396.189.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 346.684.000 đồng. Xét thấy ngân hàng cung cấp 01 bản sao giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và 01 bản tóm tắt sao kê thể hiện nợ gốc tạm tính đến

16/10/2025 ông H còn nợ tổng số tiền 223.015.662 đồng, trong đó nợ gốc là 106.917.162 đồng, nợ lãi quá hạn 116.098.500 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 16/10/2025 thì ông H cũng phải tiếp tục thanh toán tiền lãi được quy định tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" ngày 29/6/2021 là phù hợp theo thỏa thuận các bên và quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn - ông Nguyễn Hữu H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Hữu H trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 16/10/2025 là 223.015.662 đồng, trong đó nợ gốc là 106.917.162 đồng, nợ lãi quá hạn 116.098.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày **16/10/2025** ông Nguyễn Hữu H còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong "Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng" ngày 29/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp hợp đồng tín dụng có thỏa thuận lãi suất cho vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cũng được điều chỉnh phù hợp với mức lãi suất do ngân hàng công bố tại từng thời điểm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm**:**

Ông Nguyễn Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.150.783 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.097.729 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005884 ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị N